

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chương 026

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

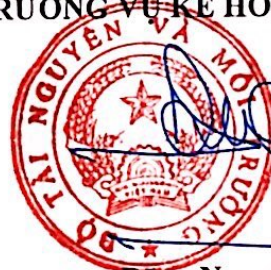
Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý II năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	54.569	10.775	19,75%	69,20%
1	Số thu phí, lệ phí	54.569	10.775	19,75%	69,20%
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.011.050	639.625	31,81%	83,98%
I	Chi quản lý hành chính	224.810	89.267	39,71%	98,68%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	209.238	85.439	40,83%	96,99%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15.572	3.828	24,58%	161,66%
2	Nghiên cứu khoa học	222.030	68.516	30,86%	76,80%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	143.483	33.602	23,42%	56,23%
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	127.304	28.564	22,44%	50,22%
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	3.150	1.038	32,95%	988,57%
-	Nhiệm vụ thuộc Chương trình phối hợp Bộ KH-CN-Bộ TNMT	429	0	0,00%	0,00%
-	Nhiệm vụ thuộc Chương trình Chính phủ cấp	12.600	4.000	31,75%	400,00%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức	53.427	26.027	48,72%	110,49%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.120	8.887	35,38%	150,86%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	61.540	23.683	38,48%	46,17%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	61.540	23.683	38,48%	46,17%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	4.410	1.452	32,93%	71,56%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.410	1.452	32,93%	71,56%
5	Chi hoạt động kinh tế	990.710	360.071	36,34%	81,78%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	990.710	360.071	36,34%	81,78%
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	506.400	95.936	18,94%	108,61%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	506.400	95.936	18,94%	108,61%
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.000	700	70,00%	0,00%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.000	700	70,00%	0,00%
8	Tài chính khác	150	0	0,00%	0,00%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150	0	0,00%	0,00%
II	Nguồn vốn viện trợ	328.500	34.375	10,46%	110,26%
1	Nghiên cứu khoa học	12.330	5.143	41,71%	240,10%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.330	5.143	41,71%	240,10%
2	Các hoạt động kinh tế	88.480	13.762	15,55%	51,96%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	88.480	13.762	15,55%	51,96%
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	227.690	15.470	6,79%	607,62%
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	227.690	15.470	6,79%	607,62%

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH



Đặng Ngọc Diệp

